



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI 2
36 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 38994461
Fax: (84.8) 38990246
Website: www.acsc.com.vn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(BẢN DỰ THẢO)

TP.HCM, Ngày 31 tháng 5 năm 2024
Tại Hội trường Tầng 9 Văn phòng Công ty,
36 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI 2 (ACSC)



VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

STT	NỘI DUNG VĂN KIẾN
	Quy định về tổ chức và làm việc tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên 2024
	Chương trình làm việc của Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2024
	Danh sách Chủ tọa Đoàn; Thư ký Đoàn, Ban kiểm tra tư cách đại biểu và Ban kiểm phiếu (dự kiến)
	<u>CÁC BÁO CÁO</u>
1.	Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2023
2.	Báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát
3.	Báo cáo về phương hướng hoạt động năm 2024
	<u>CÁC TỜ TRÌNH</u>
1.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán
2.	Tờ trình về chính sách phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023
3.	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
4.	Tờ trình thông qua thù lao năm 2023 đề xuất thù lao, ngân sách hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
5.	Tờ trình ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
6.	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
7.	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
8.	Tờ trình thông qua Quy chế công bố thông tin
9.	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
10.	Tờ trình thông qua việc dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ mới năm 2024 của Công ty

TP.HCM, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUY ĐỊNH
TỔ CHỨC VÀ LÀM VIỆC TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI 2 NĂM 2024

Mục tiêu:

- Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;*
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2 năm 2024 diễn ra thành công tốt đẹp.*

Ban tổ chức trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 năm 2024 (gọi tắt là Hội nghị), thông qua Quy định tổ chức và làm việc như sau:

Điều 1. Cổ đông

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Hội nghị phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy định làm việc của Hội nghị. Cổ đông vi phạm Quy định này tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 146 của Luật doanh nghiệp 2020 hiện hành (“Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền”).

Điều 2. Cổ đông tham dự Hội nghị

- Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Hội nghị có quyền trực tiếp tham dự Hội nghị hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Hội nghị; Người được ủy quyền tham dự Hội nghị không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Hội nghị.
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Hội nghị phải mang theo giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND/Hộ chiếu ...) và Thư mời tham dự, nộp cho Ban tổ chức và nhận Thẻ biểu quyết ghi mã số cổ đông và số lượng cổ phần có quyền biểu quyết;
- Trong quá trình diễn ra Hội nghị, cổ đông khi ra ngoài hội trường phải giữ trật tự không làm ảnh hưởng đến diễn biến Hội nghị, và các quy định của Điều 3 dưới đây;
- Các cổ đông phải thể hiện nghiêm túc trong phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản các tài liệu, không đưa người ngoài vào hội trường khi chưa được Chủ tọa đồng ý.

Điều 3. Trật tự của Hội nghị

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Hội nghị đều ăn mặc chỉnh tề, văn minh lịch sự;
- Cổ đông khi vào phòng Hội nghị phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Hội nghị quy định;

3. Không hút thuốc lá trong hội trường của Hội nghị;
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Hội nghị (*tắt hoặc để chế độ rung*).

Điều 4. Điều kiện và cách thức tiến hành Hội nghị

1. Hội nghị được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập cuộc họp Hội nghị.
2. Hội nghị dự kiến diễn ra trong nửa ($\frac{1}{2}$) ngày.
3. Hội nghị sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Hội nghị.

Điều 5. Nhiệm vụ của Chủ tọa

1. Điều khiển Hội nghị theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ Quy định đã được Hội nghị thông qua;
2. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Hội nghị biểu quyết;
3. Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, điều khiển Hội nghị một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
4. Hướng dẫn Hội nghị thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Hội nghị;
5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Hội nghị.

Điều 6. Ban Thư ký Hội nghị

1. Ban Thư ký Hội nghị do Chủ tọa giới thiệu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Hội nghị về nhiệm vụ của mình được giao;
2. Ban Thư ký ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Hội nghị và những vấn đề được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Hội nghị;
3. Giúp Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự Hội nghị. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông tham dự Hội nghị. Nếu Hội nghị có đủ số lượng cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì Hội nghị được tiến hành theo đúng luật định;
4. Tiếp nhận và trình lên Chủ tọa phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông;
5. Soạn thảo Biên bản và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Hội nghị.

Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Hội nghị

1. *Nguyên tắc:* Cổ đông tham dự Hội nghị khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, và theo chương trình Hội nghị đã quy định;
2. *Cách thức phát biểu:*
 - a. Cổ đông khi phát biểu hoặc can tranh luận thì giơ tay hoặc đăng ký theo Phiếu của

Ban tổ chức quy định, chỉ được phát biểu ý kiến khi Chủ tọa nhất trí;

- b. Cổ đông phát biểu ngắn gọn tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Hội nghị đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Hội nghị

1. *Nguyên tắc:* Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Hội nghị đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số Thẻ biểu quyết, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông.
2. *Cách biểu quyết:* Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành và không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa.

Điều 9. Thẻ lệ biểu quyết tại Hội nghị

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Hội nghị bằng phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng cách giơ thẻ;
2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Hội nghị đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội nghị, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền;
3. Các vấn đề được biểu quyết trong Hội nghị được thông qua khi:
 - a. Thông qua tờ trình liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán: Đạt tỷ lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - b. Thông qua các vấn đề khác: Đạt tỷ lệ ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết Hội nghị

Tất cả các nội dung tại Hội nghị phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản Hội nghị, Nghị quyết Hội nghị phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Hội nghị.

Điều 11. Trường hợp tổ chức Hội nghị lần thứ nhất không thành công

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 của Quy định này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất. Hội nghị lần hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do Điều lệ Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2 quy định;
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của

Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, Hội nghị được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông tới dự họp.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Quy định này có 12 điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty Cổ Phần xây lắp Thương Mại 2 biểu quyết thông qua để việc tổ chức Hội nghị thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thương Mại 2./.

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Ban TGD;*
- *Lưu VP HĐQT.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Xây Lắp Thương Mại 2 (ACSC), Hội Đồng Quản Trị xin báo cáo ĐHĐCĐ tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CÔNG TY

Năm 2023 là năm phục hồi kinh tế sau 2 năm đại dịch Covid -19, nhưng vẫn là năm đầy khó khăn với ngành xây dựng nói riêng và tất cả các lĩnh vực khác nói chung. Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thương Mại 2 tiếp tục chịu ảnh hưởng bất lợi khi đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức của nền kinh tế, thị trường bất động sản tiếp tục ảm đạm, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát vẫn còn ở mức cao.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Hệ thống Công ty và các đơn vị thành viên

- Công ty CP Xây Lắp Thương Mại 2 (ACSC);**
- Công ty Cổ phần Xây Dựng E-CONS:** ACSC chiếm 70% Vốn điều lệ, là đơn vị thành viên, chuyên về công nghệ hoàn thiện ốp lát gạch Striving Method theo bản quyền của Công ty Oopart Nhật Bản.
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ACSC & FUJINAMI (AFCC):** ACSC chiếm 51% vốn điều lệ, là đơn vị thành viên, liên doanh giữa ACSC và Công ty Tư Vấn Xây Dựng FUJINAMI, hoạt động của AFCC chủ yếu trong công tác thiết kế dự án xây dựng dân dụng & công nghiệp, trên cơ sở kết hợp về ứng dụng BIM của ACSC và kinh nghiệm nhiều năm của KTS Michio Fujinami.

2. Về cơ cấu tổ chức của Công ty

- Đứng đầu là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Kế đến là Hội Đồng Quản Trị, hiện tại gồm 05 thành viên, giúp việc cho HĐQT có Văn phòng HĐQT và các chuyên viên giúp việc khác.
- Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên: Trưởng Ban Kiểm soát và 02 Kiểm soát viên
- Ban Tổng Giám đốc gồm 04 thành viên:
 - Ông Đinh Viết Duy – Tổng Giám đốc, phụ trách chung;

- Ông Phạm Văn Hùng Em – Phó Tổng giám đốc: Phụ trách Khối Cơ điện;
 - Ông Trần Văn Lâm – Phó TGD: Phụ trách Khối Kỹ thuật;
 - Ông Lê Đức Long - Phó TGD: Phụ trách Khối HCQT & Nhân sự
- (v). Các Phòng Ban, cơ cấu hiện tại gồm có 08 đơn vị Phòng Ban:
- Phòng Quản lý chi phí & Hợp đồng
 - Phòng Tài chính - Kế toán
 - Phòng HCQT & Nhân sự
 - Phòng Phát triển Dự án
 - Phòng Thiết kế - Kỹ thuật
 - Phòng Quản lý Dự án & Thi công
 - Phòng Cơ điện.
- (vi). Sau cùng là các Ban Điều hành Dự án: Đứng đầu là các Giám đốc Dự án, chịu trách nhiệm trong việc triển khai thi công các Dự án của Công ty.

3. Hệ thống chứng nhận năng lực và quản lý

- (i). Doanh nghiệp Hạng 1 của Bộ Xây dựng về thiết kế và thi công các công trình công nghiệp, dân dụng;
- (ii). Hệ thống Quản Lý Chất Lượng ISO 9001:2015;
- (iii). Hệ thống Quản Lý An Toàn ISO45001;
- (iv). Hội viên hạng vàng (Gold member) của Hội đồng Công trình xanh Việt Nam (VGBC).
- (v). Đội ngũ nhân sự công ty có nhiều thành viên có chứng chỉ hành nghề hạng I về thiết kế, giám sát, quản lý dự án để có khả năng thực hiện các dự án có quy mô vừa và lớn với yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

4. Các vấn đề về nhân sự

4.1. Nhân sự toàn hệ thống ACSC

Đơn vị	Năm 2023	Năm 2022
ACSC	116	116
AFCC	1	2
E-CONS	1	2
Tổng cộng	118	120

4.2. Các vấn đề cần quan tâm

Vấn đề nhân sự luôn là vấn đề các tổ chức luôn quan tâm và đặt lên hàng đầu cùng với công tác phát triển kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng luôn đòi hỏi nhân sự có chuyên môn tốt, có năng lực để quản lý tốt công tác thi công, đảm bảo chất lượng xây dựng cho Chủ đầu tư/Khách hàng. Hiện nay, đội ngũ quản lý cấp trung là vấn đề lớn mà HĐQT đang quan tâm giải quyết trong thời gian qua.

4.3. Công tác phúc lợi cho CBNV

- (i). Tiếp tục thúc đẩy tôn chỉ “Hợp Tác Đích Thực – Đóng Góp Vững Bền”, Ban Lãnh đạo Công ty luôn có chủ trương mang đến những phúc lợi tốt nhất để nâng cao tinh thần làm việc, đời sống cho CBNV trong công ty và các đơn vị thành viên. Trong đó, một số sự kiện thường niên của Công ty như:
- Gặp gỡ Tân Niên (sau tết Nguyên Đán);
 - Kỳ nghỉ hè hàng năm;
 - Tổ chức các sự kiện nhân ngày lễ dành cho Phụ nữ (ngày 8/3 và 20/10);
 - Và một số chính sách phúc lợi khác cho CBNV Công ty.
- (ii). Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các Hội thảo chuyên đề và gửi nhân sự tham gia các khóa huấn luyện chuyên sâu ở các trường Đại Học và cơ sở đào tạo bên ngoài, nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn cho CBNV tác nghiệp.

III. HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

Với định hướng kinh doanh năm 2023 mà ĐHDCTĐ đã đề ra. Ban lãnh đạo đã không ngừng nỗ lực để phát triển thị trường hơn nữa, tiếp cận với đa dạng khách hàng. Kết quả cho thấy những chuyển biến tích cực trong nhiệm kỳ qua đã phát triển thêm nhiều Dự án mới có giá trị lớn.

Hoạt động quảng bá thương hiệu, ACSC đã tích cực tham gia trong nhiều tổ chức khác nhau như:

- (i). Các Hội nghề nghiệp & Hiệp hội doanh nghiệp:
- Tổng Hội Xây dựng Việt Nam;
 - Hội Khoa học kỹ thuật xây dựng TP.HCM;
 - Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam;
 - Hội đồng công trình xanh Việt Nam;
 - Câu lạc bộ Doanh nhân Sài Gòn;
 - Tham gia Hội Kỹ Sư Xây Dựng Việt Nam để tận dụng nguồn chất xám từ các hoạt động của Hội và Trường, là kênh tuyển dụng nguồn nhân sự chất lượng cao từ các Trường ĐH có uy tín.
- (ii). Hỗ trợ giáo dục và các hoạt động tại các trường đại học:
- Quỹ phát triển Đại học Quốc Gia TP.HCM;
 - Quỹ BK CONS, chương trình thực tập và hội chợ việc làm của Khoa Xây dựng – ĐH Bách Khoa TP.HCM;
 - Tiếp nhận thực tập và huấn luyện cho sinh viên, tài trợ các chương trình khởi nghiệp MasterMind, Hội chợ việc làm cho trường Đại Học Quốc Tế thuộc Đại học Quốc Gia TP.HCM;
 - Huấn luyện BIM cho sinh viên khoa Xây Dựng Đại Học HUTECH;

- Góp ý các chương trình đào tạo đại học cho ngành kỹ thuật xây dựng cho Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM;
- Ngày hội việc làm tại trường Đại Học Hutech và trường Đại Học Bách Khoa TpHCM.

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tổng quát

Đối mặt với bức tranh vĩ mô không thuận lợi của năm 2022, HĐQT đã xác định 2023 là năm tái thiết để tăng trưởng, tập trung duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, kiểm soát hiệu quả chi phí.

2. Các nền tảng ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh

- Đội ngũ lãnh đạo có kinh nghiệm làm việc lâu năm và có uy tín đối với các đối tác nước ngoài và trong nước;
- Tham gia các mạng lưới đa dạng (kinh doanh, công nghệ, giáo dục, xã hội) để phát triển thương hiệu và thị trường.
- Chiến lược phát triển phù hợp xu thế chung của thị trường (Thiết kế & Thi Công, công trình xanh, Mô hình thông tin công trình (BIM) và các công nghệ mới về vật liệu & thi công, thiết kế);
- Nắm vững các công nghệ tiên tiến và các hệ thống chứng nhận chất lượng cao của thế giới và Việt Nam;
- Thực hiện chuyển đổi số các hoạt động Quản trị và nghiệp vụ của Công ty như: Áp dụng phần mềm quản lý Base, áp dụng phần mềm tính toán nhanh cho mảng Phát triển dự án và Tính toán khối lượng (QS), phát triển BIM từ thiết kế sang mảng thi công;
- Bổ sung nhân sự quản lý Quản Lý Dự Án và CHT chất lượng cao, cải thiện và nâng cao năng lực quản lý nhân sự Phòng Quản lý Thi Công, để đáp ứng công việc trong tình hình mới.

V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1. **Vốn điều lệ: 40.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng).

2. Các khoản đầu tư lớn

STT	Đầu tư vào các đơn vị	Giá trị (VNĐ)
1	Đầu tư vào công ty con, Công ty thành viên	1.210.000.000
	Công ty CP Xây dựng E-CONS	700.000.000
	Công ty TNHH Tư Vấn XD ACSC & FUJINAMI	510.000.000
2	Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000

STT	Đầu tư vào các đơn vị	Giá trị (VNĐ)
	Trái phiếu VietinBank (kỳ hạn 10 năm, 29/06/2018 - 29/06/2028) Khoản đầu tư trái phiếu tại VietinBank được sử dụng như TSDB cho Hạn mức tín dụng VietinBank cấp cho ACSC.	5.000.000.000
	Tổng cộng	6.210.000.000

3. Tài chính & Ngân hàng

- Các hoạt động Tài chính Ngân hàng duy trì ổn định, Công ty đã thiết lập và duy trì quan hệ tín dụng tốt, lâu năm với VietinBank - Chi nhánh KCN Bình Dương, Ngân hàng Quân Đội (MB).
- Tình hình sử dụng Hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng đến năm 2023 như sau:

Ngân hàng	Hạn mức cho vay (tỷ đồng)	Hạn mức bảo lãnh (tỷ đồng)	Tổng cộng	Ghi chú
VietinBank	100	120	220	
MB	40	50	90	
Tổng cộng	140	170	310	

Việc đảm bảo uy tín trong thanh toán và quan hệ tín dụng với các Ngân hàng (các khế ước nhận nợ luôn được thanh toán đúng và trước hạn), là cơ sở cho việc trì và tăng hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng trong thời gian qua.

4. Kết quả kinh doanh hợp nhất: (Đơn vị tính: đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023
		Theo Báo cáo kiểm toán	Theo Báo cáo kiểm toán
1	Doanh thu	277.915.586.281	272.322.041.184
-	<i>Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu so với năm trước</i>		(2,2%)
-	<i>Tỷ lệ so với kế hoạch</i>		45,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.412.900.119	1.528.912.981
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.894.482	19.633.272
4	Cổ phiếu lưu hành bình quân	4.000.000 cổ phiếu	4.000.000 cổ phiếu
5	Lãi cơ bản trên CP	2	7
6	Tổng tài sản	361.195.571.695	383.360.556.021
-	<i>Tỷ lệ tăng trưởng TTS so với năm trước</i>		6,1%
7	Cổ tức (%/Mệnh giá CP)	0	

Qua số liệu kinh doanh, tuy kết quả kinh doanh năm 2023 chưa đạt như kỳ vọng theo kế hoạch được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao phó. Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty có chiều hướng tốt; vị thế và uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được nâng cao, thương hiệu được nhiều khách hàng biết đến, cụ thể Công ty đã trúng thầu và triển khai nhiều công trình có giá trị lớn, tiêu biểu như sau: Công trình MDG (tại KCN An Phước, Long Thành, Đồng Nai), Công trình Richbase (tại KCN Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu),.....

VI. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 18/7/2020, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27/5/2023, Đại hội đồng cổ đông đã bầu 05 thành viên Hội Đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2020 - 2025, cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Đặng Lê Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Đức Nguyên	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
3	Ông Đinh Viết Duy	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Quang Khanh	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Lê Văn Khanh	Thành viên HĐQT độc lập

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT

HĐQT thực hiện công việc theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Tình hình quản trị Công ty

Trong năm vừa qua, HĐQT đã ban hành các nghị quyết liên quan tới cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động, về nhân sự, ban hành các quy chế nội bộ ... nhằm thực hiện tốt công tác quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như xây dựng định hướng phát triển cho Công ty.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT (triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thù lao HĐQT & BKS	1.547	812	807
Chi phí hoạt động	-	-	

5. Cuộc họp và Nghị quyết HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

Ngoài những phiên họp định kỳ như trên, Hội đồng quản trị thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, trao đổi qua điện thoại, để lấy ý kiến các Thành viên kịp thời đưa ra những nghị quyết, định hướng cho hoạt động kinh doanh.

6. Công tác giám sát đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát, hỗ trợ cho hoạt động của Ban điều hành thông qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh. Nhìn chung, Ban Điều hành dưới sự giám sát của HĐQT cũng đã hết sức nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong điều kiện

sản xuất kinh doanh chung còn nhiều khó khăn và sự cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt.

7. Những tồn tại khó khăn:

Trong năm 2023, bên cạnh những kết quả nhất định đáng ghi nhận, vẫn còn có những khó khăn, tồn đọng nhất định cần được xem xét và giải quyết, cụ thể như sau:

- Khó khăn chính của Công ty trong năm 2023 là nguồn vốn. Khả năng tự chủ tài chính của Công ty hiện nay chưa cao, trong khi hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ qua có sự tăng trưởng mạnh về doanh thu, đòi hỏi phải có tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động của Công ty trong những năm gần đây còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay tại các Ngân hàng, việc này ít nhiều đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh chung.
- Nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực luôn là mối quan tâm hàng đầu ở bất kỳ tổ chức nào, đặc biệt là các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng như ACSC. Theo đó, trong năm 2023, mặc dù HĐQT cũng với Ban Điều hành thực hiện nhiều biện pháp để củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tinh gọn bộ máy...; Nhưng thực tế vẫn còn nhiều bất cập. Đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thi công các Dự án trong thời gian qua.
- Mức độ cạnh tranh thị trường trong lĩnh vực xây dựng ngày càng cao: Trong những năm qua, tình hình Bất động sản có dấu hiệu chững lại, nên nhiều công ty hoạt động chuyên xây dựng công trình nhà cao tầng, chung cư thì nay cũng đã lấn sân sang lĩnh vực xây dựng công nghiệp dân dụng, việc này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đầu thầu và biên độ lợi nhuận của các công ty trong ngành như ACSC.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính trong năm vừa qua. Và với định hướng phát triển kinh doanh năm 2024, cũng như trong những năm tiếp theo, HĐQT nhận thấy cần thiết phải tăng cường năng lực tài chính cho Công ty, bước đầu là nên xem xét phương án tăng vốn Điều lệ. Việc này, HĐQT đã cân nhắc các phương án và trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, năm 2023 nhưng hiện tại vẫn chưa thể triển khai vì nhiều lý do.
- Để kết quả kinh doanh trong những năm tiếp theo tăng trưởng ổn định và vững chắc, mang đến chất lượng sản phẩm tốt nhất cho Khách hàng (Chủ Đầu tư), Công ty cần phải thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt hơn nữa trong công tác nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao và cấp trung.

Trên đây là báo cáo về tổng kết hoạt động Công ty năm 2023 của HĐQT. HĐQT tin tưởng rằng với sự tin tưởng của các đối tác đối với uy tín thương hiệu của ACSC cùng với những nỗ lực không ngừng và hy vọng vào diễn biến thị trường có chiều hướng

tốt hơn, HĐQT tin tưởng rằng ACSC sẽ củng cố niềm tin và sẽ sớm vượt qua những khó khăn chung của thị trường. Đồng thời, HĐQT cũng mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, gắn bó và đồng thuận của Quý Cổ Đông trong các hoạt động của Công ty.

TP.HCM, ngày tháng năm 2024

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG LÊ DŨNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Kính thưa Quý Cổ đông!

Ban Kiểm Soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của công ty trong năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2023

Ban Kiểm Soát hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ do HĐQT tổ chức;
- Thẩm định các báo cáo về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của công ty;
- Xem xét, đánh giá quy trình hoạt động, phối hợp của các phòng ban; quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp của Ban Tổng Giám Đốc.

II. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã ban hành các Nghị Quyết, Quyết định đúng trình tự, đúng thẩm quyền theo điều lệ của công ty và quy định của pháp luật;
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ; mọi chỉ đạo của HĐQT đều tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Ban tổng giám đốc:

- Đã chấp hành và tuân thủ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- Đã từng bước nâng cao uy tín, năng lực, thương hiệu của công ty; ổn định việc làm và thu nhập, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;
- Đã tích cực xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu tổ chức nhằm ổn định nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Chứng từ, biểu mẫu, sổ sách kế toán đầy đủ, rõ ràng. Số liệu phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty
- Báo cáo tài chính được lập đúng quy định, tuân thủ theo các chuẩn mực, chế độ kế toán, Luật kế toán Việt Nam và các văn bản pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất công ty năm 2023

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các bộ phận phòng ban công ty đã thực hiện được một số chỉ tiêu trong năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ đạt được năm 2023 so với kế hoạch
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	600,0	272,1	45,4%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	8,0	1,5	18,7%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	6.400	19,6	0,3%
Tổng số vốn sở hữu (tỷ đồng)		72,4	

IV. Kế hoạch công tác năm 2024 của Ban Kiểm Soát

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty;
- Thẩm định, kiểm tra các báo cáo kinh doanh và các báo cáo tài chính của công ty;
- Phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban kiểm soát để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

V. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với HĐQT, Ban điều hành:

- Ban Kiểm Soát với HĐQT, Ban điều hành đã có sự phối hợp hoạt động chặt chẽ trên tinh thần xây dựng hợp tác;
- Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

VI. Kiến nghị của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát có một số kiến nghị như sau:

- Ban Tổng Giám Đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính phù hợp với tình hình thực tế; tiếp tục phát triển hoạt động xây lắp công nghiệp là thế mạnh của công ty;
- Tăng cường lập dự toán, lập kế hoạch và tính toán nguồn dự phòng hợp lý để phòng ngừa rủi ro phát sinh;
- Nâng cao các mối quan hệ truyền thống và tăng cường tìm kiếm đối tác mới, tiếp tục mở rộng thị trường mới.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm Soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động, hôm nay Hội Đồng Quản trị Công ty CP Xây Lắp Thương mại 2 (ACSC) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2024.

I. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

1. Nhận định chung về Kinh tế - Xã hội

Những khó khăn ảnh hưởng từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới được dự báo là sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2024

Trước khó khăn đó cho thấy, năm 2024 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam và ngành xây dựng nói chung, cũng là một năm không thuận lợi cho ACSC nói riêng.

2. Nhận định về tình hình chung Công ty

Thừa hưởng những thành quả của các năm trước, từ đầu năm 2024 đến hiện tại Công ty đang triển khai các dự án được chuyển tiếp từ năm 2022, 2023 chuyển sang, đó là: Dự án Kho Dược Công ty cổ phần M.S.T – Chi nhánh Bình Dương tại KCN Vsip 1, tỉnh Bình Dương; Dự án Nhà máy Gia Công Răng Aceso – Chi nhánh An Phước tại KCN An Phước, tỉnh Đồng Nai; Dự án Nhà máy Richbase tại KCN Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đầu năm 2024 Công ty cũng đã ký được Hợp đồng thiết kế Nhà kho mới Công ty Men-Chuen tại KCN Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và Hợp đồng thiết kế Nhà máy sản xuất Dầu thực vật Long An tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Theo kế hoạch, năm 2024 Công ty sẽ phát triển thêm một số Dự án mới. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng chung của tình hình chiến tranh Nga – Ukraine và các chính sách vĩ mô trong nước, nên hoạt động kinh doanh năm 2024 của công ty dự báo gặp rất nhiều khó khăn và có thể kéo sang đến năm 2025. Do đó, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 là tiếp tục ổn định tình hình kinh doanh, duy trì bộ máy hoạt động là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong tình hình thị trường như hiện nay.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Về cơ cấu tổ chức & Nhân sự

a. Cơ cấu tổ chức công ty: Định hướng điều chỉnh cơ cấu tổ chức công ty theo hướng tinh gọn nhằm hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

b. Chính sách nhân sự: HĐQT nhận định rằng năm 2024 là năm kinh doanh vô cùng khó khăn, nên nhiệm vụ trọng tâm là duy trì ổn định hoạt động kinh doanh và ổn định bộ máy nhân sự, để làm tiền đề cho các năm tiếp theo. Mục tiêu quan trọng cần phải tiếp tục tăng cường bổ sung, hoàn thiện bộ máy quản lý cấp trung có đầy đủ năng lực, trình độ, kinh nghiệm và phẩm chất để đáp ứng được các yêu cầu công việc ngày càng cao, phù hợp với xu thế phát triển thị trường và sự tăng trưởng của Công ty.

2. Định hướng tiếp cận thị trường:

Tiếp tục định hướng việc thiết lập văn phòng đại diện cho các khu vực trọng điểm (nếu tình hình thị trường khả quan). Bên cạnh mảng khách hàng FDI về công nghiệp và khách hàng truyền thống lâu nay (Nhật Bản, Đài Loan), ACSC và các đơn vị thành viên sẽ tích cực tiếp cận các khách hàng khác như:

- Khách hàng FDI từ các nước Trung Quốc, ASEAN, Hàn Quốc, Ấn Độ, Châu Âu, ...
- Các dự án ODA chủ yếu do chính phủ Nhật Bản tài trợ;
- Khách hàng trong nước (màng tư nhân) và các dự án công nghiệp - dân dụng.

Với sự phát triển rộng hơn về địa bàn và đối tượng khách hàng. ACSC sẽ tập trung phát triển đội ngũ phát triển dự án cũng như xây dựng các kênh tiếp thị hiệu quả hơn nữa. Thành lập bộ phận marketing trực thuộc phòng phát triển dự án, dựa trên việc xây dựng, đào tạo, tuyển dụng các nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề và hướng phát triển Công ty. Xây dựng chiến lược phát triển thị trường trên cơ sở tiếp cận các khách hàng mới. Đồng thời thường xuyên bám sát và chăm sóc các khách hàng truyền thống. Chú trọng xây dựng định hướng chiến lược tiếp cận khách hàng dựa trên uy tín của Công ty đã được khẳng định trên thương trường và các nền tảng đã đạt được trong thời gian qua như công nghệ BIM và phát triển công trình xanh.

3. Phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên

- Công ty CP Xây Lắp Thương Mại 2 (ACSC) giữ vai trò là trung tâm điều phối các hoạt động với các đơn vị thành viên. Hướng tới định hướng thu gọn các đơn vị thành viên, tính toán hiệu quả hoạt động, giải quyết dứt điểm và thu hồi công nợ đối với các đơn vị này nhằm mục đích tập trung quản lý và điều hành Công ty lớn.
- Đầu tư chiều sâu hơn nữa về các hệ thống công nghệ và quy trình đang áp dụng để nâng cao hơn nữa hiệu quả thiết kế và thi công trên nền tảng BIM và công trình xanh;
- Hướng đến việc áp dụng công nghệ mới (lắp ghép, mô đun,...) và vật liệu mới với tỷ trọng lớn hơn để nâng cao chất lượng, rút ngắn tiến độ và giảm giá thành.
- Xây dựng công nghiệp: ngoài các dự án đã thi công trong năm 2023 và chuyển tiếp sang 2024, trong quý 3 & 4/2024 cố gắng phát triển thêm một số Dự án mới. ACSC sẽ nỗ lực đa dạng hóa đối tượng khách hàng hơn nữa chứ không chỉ tập trung trong các khách hàng truyền thống như Nhật bản, Đài Loan. Tiêu chí chọn lựa vẫn trên cơ sở đảm bảo rủi ro về thanh toán. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh mở rộng thị trường và khu vực thành phố HCM, các tỉnh lân cận (Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Long An), Tây Nam Bộ và phát triển ra thị trường khu vực miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định)
- Xây dựng dân dụng: Với sự đầu tư các máy móc thiết bị mới và đội ngũ nhân sự chất

lượng cao có kinh nghiệm về cao tầng và dân dụng, ACSC sẽ nỗ lực đi vào thị trường này và chọn phân khúc phù hợp (dưới 30 tầng).

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024 với nhận định thị trường có nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt cả thế giới chịu ảnh hưởng của giai đoạn hậu đại dịch Covid 19 và chiến tranh Nga - Ukraine tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tâm lý của các nhà đầu tư nước ngoài (Doanh nghiệp FDI) sẽ vô cùng thận trọng. Đây là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với niềm tin tất cả sẽ cùng vượt qua khó khăn. HĐQT xem đây cũng là thời cơ để mở đầu cho chu kỳ kinh doanh mới cũng như tái cấu trúc lại Công ty, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Với tinh thần đó, HĐQT đặt ra mục tiêu và giải pháp như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

1.1. Cơ sở thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024

STT	Khoản mục	Doanh thu xây lắp (chưa VAT, tỷ đồng)
1	Khối lượng Dự án đã ký kết Hợp đồng các năm trước chuyển sang năm 2024 (Richbase, Aceso, M.S.T, Saitex, Nafe, Nipro, Jorn tech).	268,0
2	Khối lượng Dự án đã ký kết Hợp đồng năm 2024 (Hợp đồng thiết kế Men Chuen (giai đoạn 2), hợp đồng thiết kế dự án Dầu Thực Vật-Long An).	2,1
3	Khối lượng dự án dự kiến ký mới năm 2024	300

⇒ Tổng doanh thu quyết toán năm 2024 (dự kiến): 500 tỷ đồng.

1.2. Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2024

Với sự thận trọng cần thiết cho phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2024, chúng tôi đề nghị Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua các chỉ tiêu sau đây:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	So với 2023	Kế hoạch so với năm 2023	
				Giá trị tăng/giảm	% tăng/ giảm
1	Tổng doanh thu dự kiến (Tỷ đồng)	500	272	228	83.82%
2	Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	2	1.5	0.5	33.33%

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	So với 2023	Kế hoạch so với năm 2023	
				Giá trị tăng/giảm	% tăng/giảm
3	Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	1.6	0.019	1.581	8.321%
4	Cổ tức chia cho cổ đông dự kiến (%)				

2. Các nhiệm vụ trọng tâm khác:

- (i). Cần có lộ trình và giải pháp nâng cao năng lực tài chính cho công ty, đặc biệt là lộ trình tăng Vốn điều lệ hoạt động trong giai đoạn 2020 – 2025, nhằm hỗ trợ tốt nhất cho nguồn vốn hoạt động kinh doanh trong giai đoạn đặc biệt khó khăn tới.
- (ii). Công tác phát triển kinh doanh: đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh, đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ. Đồng thời tiếp cận, mở rộng đối tượng khách hàng.
- (iii). Cơ cấu lại bộ máy hoạt động: Cơ cấu và ổn định bộ máy nhân sự, tinh gọn bộ máy hoạt động và nâng cao chất lượng nhân sự, năng suất lao động.
- (iv). Thực hiện chuyển đổi số các hoạt động Quản trị và nghiệp vụ của Công ty như: Áp dụng phần mềm quản lý Base, áp dụng phần mềm tính toán nhanh cho mảng Phát triển dự án và Tính toán khối lượng (QS), phát triển BIM từ thiết kế sang mảng thi công;
- (v). Bổ sung nhân sự quản lý Quản Lý Dự Án và CHT chất lượng cao, cải thiện và nâng cao năng lực quản lý nhân sự Phòng Quản lý Thi Công, để đáp ứng công việc trong tình hình mới.

Trên đây là tờ trình về phương hướng hoạt động Công ty năm 2024. HĐQT tin tưởng rằng với sự tin tưởng của các đối tác đối với uy tín thương hiệu của ACSC cùng với những nỗ lực không ngừng và hy vọng vào diễn biến thị trường có chiều hướng tốt hơn, HĐQT tin tưởng rằng ACSC sẽ củng cố niềm tin và sẽ sớm vượt qua những khó khăn chung của thị trường. Đồng thời, HĐQT cũng mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, gắn bó và đồng thuận của Quý Cổ Đông trong các hoạt động của Công ty.

Nơi nhân:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 375/BCKT-TC/2024/AASCS và 378/BCKT-TC/2024/AASCS ngày 29/03/2024 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2 kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 (bao gồm BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) như sau:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.acsc.com.vn), bao gồm:

- Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- Báo cáo cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
- Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Một số chỉ tiêu cơ bản trên BCTC năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Báo cáo tài chính riêng lẻ 2023 (đồng)	Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 (đồng)
Các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh			
1	Tổng tài sản	381.943.356.434	383.360.556.021

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Báo cáo tài chính riêng lẻ 2023 (đồng)	Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 (đồng)
2	Doanh thu thuần	272.322.041.184	272.322.041.184
3	Lợi nhuận trước thuế	2.003.017.134	1.528.912.981
4	Lợi nhuận sau thuế	494.018.348	19.633.272
5	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty mẹ		29.907.752
Các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu (đồng)			
1	Vốn chủ sở hữu	72.771.908.360	72.431.737.152
2	Vốn điều lệ	40.000.000.000	40.000.000.000
3	Các quỹ dự trữ khác	14.318.057.200	14.318.057.200
4	Lãi (lỗ) chưa phân phối	5.513.139.467	5.066.296.771

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG LÊ DŨNG

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 375/BCKT-TC/2024/AASCS và 378/BCKT-TC/2024/AASCS ngày 29/03/2024 Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2 đề nghị phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị (triệu đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế theo báo cáo hợp nhất		1.528.912.981
2	Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo hợp nhất		19.633.272
3	Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ		2.003.017.134
4	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		494.018.348
5	Lợi nhuận phân phối		19.633.272
6	Phân phối lợi nhuận		19.633.272
6.1	Lãi chia cổ tức dự kiến (0%/năm) (Trình ĐHĐCĐ)		0
6.2	Trích lập quỹ cho Công ty (100%)		19.633.272
a	Quỹ đầu tư phát triển (90%)		17.669.945
c	Quỹ khen thưởng phúc lợi CB-CNV (10%)		1.963.327

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG LÊ DŨNG

CÔNG TY CP XÂY LẮP
THƯƠNG MẠI 2
Số: 03/TTr- HĐQT.2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
---o0o---

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Đề xuất ủy quyền cho Hội Đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán dưới đây để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty theo quy định pháp luật trong năm tài chính 2024, chi tiết như sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
3. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán phía Nam (AASCS).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

ĐẶNG LÊ DŨNG

CÔNG TY CP XÂY LẮP
THƯƠNG MẠI 2
Số: 04/TTr- HĐQT.2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
---o0o---

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Đề xuất ủy quyền cho Hội Đồng Quản trị quyết định các vấn đề khác

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi và nắm bắt cơ hội kinh doanh kịp thời, cũng như có những biện pháp thích ứng kịp thời trong tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền cho Hội Đồng Quản trị được chủ động, toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến tổ chức, mạng lưới, các lĩnh vực đầu tư bao gồm tài chính, dự án và các biện pháp để giải quyết thực hiện, các vấn đề có liên quan khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Báo cáo thù lao năm 2023 và đề xuất thù lao, ngân sách hoạt động năm 2024
của Hội Đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Hội Đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông (ĐHĐCĐ) qua mức thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023. Đồng thời, đề xuất mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2024, chi tiết như sau:

(i). Mức thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023 là: **807.000.000 đồng**, trong đó:

- Thù lao HĐQT: 675.000.000 đồng;
- Lương, thù lao bộ máy giúp việc HĐQT: 0 đồng;
- Thù lao Ban kiểm soát là: 132.000.000 đồng.

Ngân sách hoạt động HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023 được ĐHCĐ thông qua là: 0,3% tổng doanh thu năm tài chính 2023, tương đương: $0,3\% \times 272.322.041.184 \text{ đồng} = \mathbf{816.966.124 \text{ đồng}}$. Như vậy, trong năm tài chính 2023, thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT thấp hơn mức ngân sách đã được ĐHCĐ thông qua.

(ii). Đề xuất thù lao và ngân sách hoạt động năm 2024

Hội Đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm cho tài chính 2024 là **0,3% tổng doanh thu năm tài chính 2024**.

Ngân sách này bao gồm: Thù lao Hội đồng quản trị, thù lao Ban Kiểm soát, chi phí lương cho bộ máy giúp việc HĐQT và chi phí hoạt động khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Đề xuất thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều liên quan đến quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu thực tế của Công ty;

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này gồm 8 chương 50 điều quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật;
2. Chi tiết dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được gửi đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THƯƠNG MẠI 2

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2024

CĂN CỨ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều liên quan đến quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thương Mại 2.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Công ty" là Công ty Cổ phần cổ phần xây lắp Thương Mại 2.
- b. "ĐHĐCĐ": Đại hội đồng cổ đông.
- d. "HĐQT": Hội đồng quản trị Cổ phần cổ phần xây lắp Thương Mại 2.
- e. "BKS ": Ban kiểm soát Cổ phần cổ phần xây lắp Thương Mại 2.
- b. "Quản trị công ty" là hệ thống các nguyên tắc để:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

Các thuật ngữ khác được quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản quy định Pháp luật khác.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật, sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung của các văn bản đó.

3. Trường hợp văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cổ đông được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ Công ty và các quyền cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty.
 - c. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.
3. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo.
 - a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;
 - b. Cổ đông được đối xử công bằng.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua quy chế này đều là cổ phần phổ thông.

Điều 4: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ trực tiếp

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
- b. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ;
- d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ;
- e. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
- f. Điều kiện tiến hành;
- g. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- h. Cách thức bỏ phiếu;
- i. Cách thức kiểm phiếu;
- j. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;
- k. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- l. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp);
- m. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ
- n. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Điều 5: Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty báo cáo VSDC, Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán và trên website của Công ty.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Cổ đông phải liên hệ công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản để đề nghị sửa đổi.

Điều 6: Thông báo mời họp và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

1. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết

tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty và quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
4. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Xác định chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của công ty; xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
 - b. Làm văn bản đăng ký với Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TPHCM (VSDC) để chốt danh sách cổ đông dự ĐHĐCĐ.
 - c. Gửi thư mời (bảo đảm) đến từng cổ đông đúng theo danh sách cổ đông nhận được của VSDC. Thư mời phải thể hiện rõ địa điểm, giờ bắt đầu, các nội dung chương trình tổ chức ĐHĐCĐ và các thông tin khác cần chuyển đến cho cổ đông về tổ chức ĐHĐCĐ.
 - d. Công bố thông tin trên bản tin điện tử của SGDCK và chuyển lên website Công ty.
5. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký; trường hợp cổ đông là người làm việc trong công ty, thông báo có thể được trưng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

Điều 7: Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

1. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty
2. Nếu cổ đông không thể tham dự đại hội thì có thể:
 - a. Ủy quyền cho đại diện của mình tham dự; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.
 - b. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp.
 - c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax và thư điện tử phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp.

Điều 8: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ trực tiếp

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Thẻ bầu cử (trường hợp ĐHĐCĐ bầu HĐQT và BKS). Thẻ biểu quyết và Thẻ bầu cử được mã hóa các thông tin của cổ đông (tên, địa chỉ, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu,...) để phục vụ kiểm phiếu bằng. Tất cả cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ
2. Cách thức biểu quyết:
 - a. Tại Đại hội trực tiếp, việc biểu quyết có thể áp dụng theo hình thức bỏ phiếu và/hoặc biểu quyết trực tiếp.

Việc biểu quyết các nội dung họp sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Đại hội. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa

b. Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.
- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

3. Cách thức kiểm phiếu:

Việc kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính hoặc bằng hình thức khác. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội trực tiếp.

Điều 9: Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty);
2. Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến
3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo hình thức Đại hội trực tuyến
2. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội trực tuyến gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - b. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - d. Điều kiện tiến hành;
 - e. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - f. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - j. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.
3. Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
4. Phiên đăng nhập là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi một trong các sự kiện sau xảy ra: (i) Cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi Hệ thống; (ii) Thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến đã kết thúc; (iii) Cổ đông tắt ngang Hệ thống; (iv) Các trường hợp khác.
5. Thời gian mở cửa Hệ thống là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của chủ tọa.

Điều 11: Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự và ủy quyền người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. HĐQT có trách nhiệm quy định cụ thể cách thức đăng ký tham dự và cách thức cử đồng ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập Đại hội trực tuyến.
3. Cử đồng đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cử đồng tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.
4. Cử đồng đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cử đồng đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

Điều 12: Điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến

1. ĐHĐCĐ trực tuyến được tiến hành khi có số cử đồng đăng ký tham dự đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cử đồng không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức Đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban Thư ký phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.
 - d. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống

Điều 13: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Các cử đồng sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và có tên trong danh sách cử đồng có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được Công ty cấp Tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Tài khoản truy cập bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cử đồng.
2. Cử đồng có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cử đồng mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cử đồng ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cử đồng và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.
3. Thời điểm biểu quyết:

- a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
 - b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của Đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu, Quy chế tổ chức đại hội và các nội dung khác theo đề xuất của chủ tọa (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Chủ tọa thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.
 - c. Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.
 - d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban kiểm phiếu công bố.
4. Bỏ phiếu điện tử:
- a. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để thực hiện việc bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
 - c. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.
 - d. Khi điều hành Đại hội, chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu nêu tại điểm b khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số điện thoại theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.
5. Kết quả biểu quyết:
- a. Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.
 - b. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức Đại hội trực tuyến nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

ĐHĐCĐ

Điều 14: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo hình thức Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến.
2. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến tương tự khoản 2 Điều 10 Quy chế này.
3. Các nội dung cụ thể về trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết theo hình thức Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến sẽ được HĐQT đề xuất trong quy chế tổ chức ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm.
4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 15: Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

Điều 16: Ghi và lập biên bản ĐHĐCĐ

Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội sau đó lập biên bản ĐHĐCĐ và thông qua tại Đại hội. Việc ghi và lập biên bản ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 17: Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng

1. Công ty công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong thời hạn 24 giờ trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin SGDCK Hà Nội.
2. Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do Người đại diện pháp luật công ty hoặc nhân viên công bố thông tin được ủy quyền thực hiện. Người đại diện pháp luật phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do nhân viên công bố thông tin được ủy quyền công bố. Thông tin đã công bố phải được bảo quản, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty; Đảm bảo toàn bộ các cổ đông hoặc các cấp cổ đông được đối xử công bằng theo các quyền hạn khác nhau của họ; có cam kết mạnh mẽ trong việc gia tăng lợi ích và giá trị cho các cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ theo đúng pháp luật và nỗ lực để công ty kinh doanh đúng pháp luật và đạo đức thương mại; tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; dành đủ thời gian để tìm hiểu và nắm vững tình hình kinh doanh và các khuôn khổ chính trị, xã hội và pháp luật trong lĩnh vực mà công ty đang hoạt động.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần (hoặc quyền mua cổ phần) của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
3. Trường hợp một thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau: cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều 20: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực kinh doanh, năng lực lãnh đạo và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết sâu sắc về các nguyên lý kinh doanh, có nhiều năm công tác trong ngành nghề SXKD của Công ty, đã từng tham gia quản lý doanh nghiệp;
 - b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật; có năng lực và nhiệt tình để giải quyết những vấn đề chiến lược dài hạn của công ty; khả năng tham gia một cách hiệu quả trong các buổi thảo luận và sẵn sàng thực hiện quyền hạn trên tinh thần hợp tác.
3. Thành viên HĐQT công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) Công ty khác.
4. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức TGD điều hành.

Điều 21: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố trên trang website của công ty hoặc dưới hình thức khác tối thiểu 10 ngày hoặc một khoảng thời gian hợp lý trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm và phải gửi về Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc ĐHĐCĐ theo thời gian cụ thể quy định tại quy chế bầu cử của Công ty;
4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động của HĐQT. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 22: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
3. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 23: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - Không có đủ năng lực hành vi dân sự, thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - Không đủ trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tổ chức khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - b. Thành viên đó không tham dự các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và xác nhận vị trí của thành viên này bị bỏ trống.
 - c. Có đơn xin từ chức gửi tới trụ sở chính của Công ty.
 - d. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bỏ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bỏ nhiệm.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo luật chứng khoán về công bố thông tin của công ty niêm yết.

Điều 24: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người được thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị có tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc và thư ký công ty;
 - Chuẩn bị chương trình, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hay bất thường, bảo đảm không có thành viên nào chi phối cuộc thảo luận và cuộc thảo luận thu hút sự tham gia của tất cả các thành viên; tập hợp được nhiều ý kiến khác nhau và nỗ lực để đạt được sự đồng thuận của các thành viên HĐQT;
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền

của Hội đồng quản trị dưới những hình thức khác;

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 25: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác phải trực tiếp tổng hợp và báo cáo trước các kỳ họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Căn cứ vào báo cáo trên, Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo Tổng Giám đốc trong mọi hoạt động của Công ty.
2. Thành viên HĐQT không điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và các cổ đông về việc bảo đảm rằng các thành viên HĐQT điều hành tuân thủ chính sách và định hướng của công ty.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị khác đảm nhận các lĩnh vực công việc do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và báo cáo với Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời kiêm nhiệm các chức danh điều hành sản xuất kinh doanh khác.
2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, một năm họp định kỳ bốn (04) lần và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác, Ban kiểm soát hoặc ít nhất 02 thành viên HĐQT đề nghị. Trường hợp đột xuất hoặc khẩn cấp, có thể bằng các phương tiện thông tin phổ biến khác, có xác định và không hạn định thời gian
3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển và phải có sự hiện diện của ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên mới hợp lệ và phải được ghi biên bản đầy đủ để lưu giữ tại công ty.
4. Những vấn đề cần phải quyết định ngay, không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định được xử lý bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị (có thể họp, hoặc trao đổi miệng, bằng điện thoại) sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất.
5. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ vào Điều lệ Công ty để

quyết định mở rộng thành phần mời dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị đóng vai trò trung tâm trong cơ cấu quản trị công ty, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc thông qua kế hoạch chiến lược của công ty. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về những công việc: rà soát và thảo luận kế hoạch chiến lược với Ban Giám đốc; yêu cầu chỉnh sửa, thậm chí phản đối một phần kế hoạch chiến lược trước khi chính thức được thông qua.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát tình hình kinh doanh của công ty thông qua việc đưa ra các quy trình rà soát các kế hoạch của Ban Giám đốc để đưa ra các kế hoạch hành động cho: Kế hoạch chiến lược; Kế hoạch triển khai công việc kinh doanh thực tế của công ty theo các mục tiêu của kế hoạch chiến lược; Chức năng theo dõi và báo cáo về thực hiện kinh doanh.
4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quản trị rủi ro: nhận diện và đánh giá các loại rủi ro; Hoạch định chính sách quản trị rủi ro và thiết lập các thủ tục theo dõi, báo cáo định kỳ về quy trình quản trị rủi ro.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy hoạch cán bộ, lập kế hoạch kế tục và thay thế các cán bộ quản lý cấp cao kể cả Tổng Giám đốc.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và thông qua chương trình quan hệ với nhà đầu tư và chính sách thông tin liên lạc phù hợp với các cổ đông.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo có các hệ thống kiểm soát nội bộ và thông tin quản lý tương xứng để hỗ trợ cho hoạt động công ty, đảm bảo độ tin cậy trong các quy trình trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho theo dõi kiểm soát báo cáo. Cụ thể:
 - Thỏa thuận với Tổng Giám đốc về việc đạt được các mục tiêu cụ thể;
 - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc điều hành hoạch định các chính sách, ra quyết định triển khai các hoạt động để đạt được các mục tiêu đề ra.
 - Có thể thay đổi các mục tiêu và hạn chế các thẩm quyền của Tổng Giám đốc điều hành
 - Cùng với Tổng Giám đốc xây dựng nội dung công việc cụ thể và giới hạn thẩm quyền đối với các vị trí trong Ban giám đốc,
 - Chỉ định Thư ký công ty và đảm bảo rằng Thư ký công ty là người có năng lực để thực hiện các tư vấn và dịch vụ cần thiết cho các thành viên HĐQT, và khi được yêu cầu, nếu thích hợp, thực hiện việc bãi miễn Thư ký công ty.

Điều 28: Cuộc họp Hội đồng quản trị

Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện tổ chức họp và cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT được quy định tại **Điều 30** Điều lệ Công ty và **Điều 153** Luật Doanh nghiệp.

Thông qua các quyết định của HĐQT:

1. Biểu quyết:

- Mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT, và các người được ủy quyền

tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết.

- HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định.

2. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- i. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- ii. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;
- iii. Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng ban để kiểm tra kết quả kiểm phiếu;
- iv. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

3. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến:

Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:

- i. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- ii. Nếu muốn, thành viên HĐQT có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- iii. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện;
- iv. Việc biểu quyết thông qua nội dung cuộc họp thực hiện theo hình thức giơ tay trực tiếp. Thư ký cuộc họp ghi nhận kết quả biểu quyết;
- v. Căn cứ vào kết quả biểu quyết, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp trực tiếp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

4. Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Điều 30 Điều lệ công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin của công ty niêm yết.

Điều 29: Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Quyền hạn, trách nhiệm của Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Người phụ trách quản trị công ty:
 - Không phải là người đang làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
 - Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.
 - Về trình độ: phải là người hiểu biết về pháp luật.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 30: Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty đại chúng có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31: Nhiệm kỳ, số lượng và tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.
3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 32: Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.
2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.
2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty.
3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông:
 - Về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc với ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
 - Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ là lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác của Công ty;
 - Về tính trung thực, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
5. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 34: Cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm tra, giám sát và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để thực hiện các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Mỗi thành viên phải chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và trước Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 02 lần trong 01 năm. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 thành viên của Ban kiểm soát có mặt. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban. Trường hợp vắng mặt vì lý do chính đáng, Trưởng Ban kiểm soát phải ủy quyền cho một thành viên khác trong Ban kiểm soát chủ trì.
3. Khi cần thiết Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng ý, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không được quyền tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Chương V

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35: Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 36: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và điều kiện làm Tổng Giám đốc:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
 - Là cổ đông của Công ty hoặc là người không phải cổ đông nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
 - Trung thực, cẩn thận và có uy tín.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
 - Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực phân công.
 - Có trình độ tối thiểu: Tốt nghiệp đại học
 - Do Tổng Giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Kế toán trưởng công ty

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định của pháp luật kế toán
- Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty
- Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất (05) năm.

Điều 37: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

- Hội đồng quản trị công ty là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp nhận từ chức đối với cán bộ quản lý cấp cao.
- Đối với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với cá nhân cán bộ được đề xuất.
- Đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: Tổng Giám đốc đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.
- Sau khi tập hợp danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Nếu ứng viên đạt tối thiểu 2/3 ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị ra nghị quyết bổ nhiệm vào vị trí đã biểu quyết.

Điều 38: Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý cấp cao

1. Cán bộ quản lý cấp cao xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì cán bộ quản lý cấp cao đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao trong các trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 39: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao; Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật chứng khoán.

Chương VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 40: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động đề trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
4. Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp HĐQT về các vấn đề sau: các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của công ty, ảnh hưởng đến công ty, cổ đông và thị trường; cơ cấu tổ chức công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lãnh đạo cấp cao của công ty và hiệu quả của chúng
5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 41: Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng ban trên cơ sở căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,
 - Hoàn thành nhiệm vụ,
 - Không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 42: Quy trình khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc; Tổng Giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
2. Chế độ tiền thưởng:

- Bằng tiền
- Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên.

Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và nguồn hợp pháp khác.

3. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng.

Điều 43: Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 44: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45: Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp

vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 46: Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân
3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác chỉ được thực hiện khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 47: Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

- Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường và xã hội

Chương VIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT

Điều 48: Báo cáo

Định kỳ hàng năm, công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49: Giám sát

- Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SGDCK Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của UBCKNN trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 50: Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xây Lắp Thương Mại 2 bao gồm 8 Chương 50 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Đề xuất thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều liên quan đến quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu thực tế của Công ty;

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị này gồm 7 chương 24 điều quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
2. Chi tiết dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được gửi đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI 2

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2024

CĂN CỨ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2.*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Công ty:** Công ty Cổ phần Xây Lắp Thương Mại 2.
2. **Ban Tổng Giám đốc:** gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Công ty.
3. **Người có liên quan** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.
4. **Thành viên Hội đồng quản trị điều hành:** là Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham gia điều hành các hoạt động hàng ngày của một phần hay toàn bộ Công ty.
5. **Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:** là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm.
6. **Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:** là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp.
7. **Người điều hành Công ty:** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tùy theo nhu cầu quản lý Công ty trong từng thời điểm, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ nhiệm các

người điều hành khác.

8. Thành viên Ban kiểm soát và Kiểm soát viên được hiểu tương tự như nhau.
9. Các thuật ngữ khác được viện dẫn trong Quy chế này có cùng định nghĩa được quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản

trị nếu công ty đã niêm yết.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Hội đồng quản trị có ít nhất là ba (03) thành viên và nhiều nhất là mười một (11) thành viên. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.
 - b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
 - c. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
 - b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị khi Công ty đã niêm yết phải đảm bảo quy định sau:
 - i. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - ii. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - iii. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác;
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp
 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập. Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch

Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác với vai trò Người phụ trách quản trị Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong

- thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Nếu các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 15 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
 - c. Số lượng ứng viên tối đa mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng cử viên; hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Nếu có nhiều ứng viên ngang số phiếu bầu làm cho việc chọn ra đủ số người cần bầu không thực hiện được thì số ứng viên đó phải bầu lại để chọn ra số còn thiếu sau khi các ứng viên có số phiếu cao hơn đã được trúng cử. Việc bầu lại cũng vẫn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện

theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp

khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản

trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác tùy theo tình hình hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài, cụ thể thành viên do Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quyết định quy chế tổ chức hoạt động và quyền, nghĩa vụ của từng tiểu ban. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị

triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức

theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ công ty hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ công ty và Quy chế này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Hội đồng Quản trị có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Quyết định được xem là thông qua khi có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- b. Số lượng thành viên tham gia biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu được quy định giống như họp Hội đồng Quản trị theo thông lệ.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ,

- tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên này có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên này cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây Lắp Thương Mại 2 bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng..... năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Đề xuất thông qua Quy chế công bố thông tin

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu thực tế của Công ty;

Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua Quy chế công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Bản Quy chế công bố thông tin này gồm 5 chương 19 điều quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty cổ phần Xây Lắp Thương Mại 2 (gọi tắt là “Công ty”) và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Quy chế công bố thông tin và các quy định pháp luật khác có liên quan;
2. Chi tiết dự thảo Quy chế công bố thông tin được gửi đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI 2

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2024

CĂN CỨ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2.*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

Quy chế công bố thông tin này (gọi tắt là “**Quy chế**”) được ban hành nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty cổ phần Xây Lắp Thương Mại 2 (gọi tắt là “**Công ty**”) và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Quy chế công bố thông tin và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2. Đồng thời, quy định việc phối hợp thực hiện giữa các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty bao gồm:

1. Người thực hiện công bố thông tin;
2. Bộ phận công bố thông tin;
3. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
4. Trưởng các Phòng ban Công ty;
5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người nội bộ của Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
2. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan trong nước hoặc nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.
6. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;
3. Công ty phải báo cáo thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính.
4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức khác hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c) Trang thông tin điện tử hoặc phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;
 - d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...);
2. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

Công ty thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Phụ lục II đính kèm Quy chế này.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

Công ty thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Phụ lục III đính kèm Quy chế này.

Điều 11. Công bố thông tin của các đối tượng khác

Công ty thực hiện công bố thông tin của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục III đính kèm Quy chế này.

Điều 12. Công bố thông tin chào mua công khai

Thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Cung cấp và Xử lý thông tin

1. Khi phát sinh vấn đề hoặc nội dung cần công bố thông tin theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức gửi báo cáo đến Người thực hiện công bố thông tin hoặc bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty theo thời gian quy định của từng loại thông tin phải công bố;
2. Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người thực hiện công bố thông tin hoặc bộ phận phụ trách công bố thông tin thực hiện theo trình tự:

- a) Kiểm tra thông tin;
- b) Đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- c) Soạn thảo văn bản và biểu mẫu công bố thông tin (nếu có);
- d) Người thực hiện công bố thông tin hoặc bộ phận phụ trách công bố thông tin trình Ban lãnh đạo Công ty theo thẩm quyền phụ trách để xem xét, phê duyệt nội dung công bố thông tin.

tin.

Điều 14. Báo cáo và công bố thông tin

Sau khi nội dung công bố thông tin được phê duyệt tại điểm d khoản 2 Điều 13 của Quy chế này, Người thực hiện công bố thông tin hoặc bộ phận phụ trách công bố thông tin thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Điều 15. Lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi công bố và báo cáo sẽ được lưu trữ nhằm phục vụ hoạt động tham khảo, tra cứu và kiểm tra khi cần thiết:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 16. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (ví dụ như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác) và phải báo

cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Theo dõi và thực hiện đúng quy trình thực hiện báo cáo và công bố thông tin;
2. Phối hợp và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Người thực hiện công bố thông tin hoặc bộ phận công bố thông tin;
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của những thông tin đã cung cấp cho Người thực hiện công bố thông tin hoặc bộ phận công bố thông tin.

Điều 18. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin và bộ phận công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin và bộ phận công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật;
2. Người thực hiện công bố thông tin và bộ phận công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin một cách cẩn trọng, trung thực.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.
2. Ban Tổng giám đốc, các Phòng/Ban, cán bộ, nhân viên trong Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
3. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty.

4. Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2 bao gồm 5 chương, 19 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng.....năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHỤ LỤC I

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2)

Stt	Nội dung chính công bố thông tin	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;- Website Công ty	Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính công bố bao gồm: báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp
Stt	Nội dung chính công bố thông tin	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú

		ngày, kể từ ngày kết thúc quý.		
<p>Khi công bố Báo cáo tài chính, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p>				
2	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
3	Báo cáo tình hình quản trị Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Stt	Nội dung chính công bố thông tin	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
4	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên			
4.1	Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty 	
4.2	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty 	

¹Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 20/09/2016 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

PHỤ LỤC II

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2)

Ghi chú:

1. Thông tin được công bố tại:
 - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.
2. Thông tin dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3. Khi công bố thông tin về các sự kiện dưới đây, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin
1	Giải trình Báo cáo tài chính của Công ty
2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin
	bản).
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin
	người nội bộ của công ty
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ
19	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết
20	Các trường hợp khác được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC III

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2)

I. Công bố thông tin theo yêu cầu

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;- Website Công ty	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	Khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;- Website Công ty	

II. Công bố thông tin về các hoạt động khác

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
1	Công bố thông tin Báo cáo tài chính khi Công ty thay đổi kỳ	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;	Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
	kế toán	cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty 	toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp
2	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.		
3	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty. 	
4	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền			

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
	cho cổ đông hiện hữu			
4.1	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (ngoại trừ điểm 4.2 dưới đây)	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty. 	
4.2	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty. 	

PHỤ LỤC IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần xây lắp Thương Mại 2)

1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo khi trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	- Quy định 1, 2, 3 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty phát hành thêm cổ phiếu.
2	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	- Quy định 1, 2, 3 theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
3	Cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty công bố thông tin và báo cáo khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo) 	

2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
1	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo) 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
	trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)			
2	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch hoặc hết thời hạn dự kiến giao dịch (30 ngày). Trường hợp hết thời hạn dự kiến giao dịch nhưng chưa giao dịch hết khối lượng đăng ký thì người nội bộ/ người có liên quan của người nội bộ phải giải trình nguyên nhân.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo) 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Đề xuất thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều liên quan đến quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu thực tế của Công ty;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát này gồm 7 chương 22 điều quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan;
2. Chi tiết dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được gửi đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI 2

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2024

CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều liên quan đến quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thương Mại 2.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Nếu các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 15 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ

đồng;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- c. Số lượng ứng viên tối đa mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban

kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại 2 bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ mới năm 2024 của Công ty)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu thực tế của Công ty.

Hội Đồng Quản trị (“**HĐQT**”) của Công ty Cổ phần Xây lắp Thương Mại 2 kính trình Đại Hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) phê duyệt việc dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023. Trong năm 2023, được sự chấp thuận và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện các công việc cần thiết để xây dựng phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023 với tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá tối đa là 60 tỷ đồng.

Tuy nhiên do tình hình thị trường tài chính từ nửa cuối năm 2023 đến nay chưa phù hợp để thực hiện, đồng thời nhu cầu về vốn của Công ty đã thay đổi. Do đó Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.23 ngày 27/05/2023.

Đồng thời Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ mới năm 2024, nội dung cụ thể như sau:

1. Phương án phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ:

Vốn điều lệ hiện tại	40.000.000.000 đồng
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000 cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 1.400.000 cổ phiếu

Tổng giá trị dự kiến phát hành thêm (theo mệnh giá)	14.000.000.000 đồng
Thời gian thực hiện dự kiến	Trong năm 2024 – 2025, thời gian phát hành cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Chi tiết phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ

Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 1.400.000 cổ phiếu
Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá)	Tối đa 14.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ
Mục đích phát hành	Hoán đổi nợ hiện hữu của Công ty với các chủ nợ là bên cho vay của Công ty
Đối tượng phát hành	Các chủ nợ là bên cho vay của Công ty. Danh sách chủ nợ, giá trị các khoản nợ sẽ được hoán đổi, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để hoán đổi cho từng chủ nợ được đính kèm tại phụ lục I của phương án này.
Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
Tỷ lệ hoán đổi nợ	10.000 đồng: 1 cổ phiếu (theo đó 10.000 đồng nợ sẽ hoán đổi thành 01 cổ phiếu phổ thông phát hành mới)
Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi	<ul style="list-style-type: none"> Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, giá trị sổ sách của cổ phiếu ACS tại thời điểm 31/12/2023 làđồng/cổ phiếu. Hiện tại, cổ phiếu ACS của Công ty đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa bình quân bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu ACS (từ ngày...đến ngày.....) làđồng/cổ phiếu. Căn cứ tình hình như trên, căn cứ vào nhu cầu hoán đổi nợ của Công ty, thực tế đàm phán với các chủ nợ, và nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông cũng như khả năng

	thành công của đợt phát hành, ĐHĐCĐ thống nhất thông qua mức giá phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ là 10.000 đồng/cổ phiếu, theo đó tỷ lệ hoán đổi nợ được xác định là 10.000:1, nghĩa là 10.000 đồng nợ sẽ được quyền hoán đổi thành 01 cổ phiếu phát hành mới.
Phương thức phân phối	Phân phối trực tiếp cho các chủ nợ
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)	Khi hoán đổi nợ thành cổ phiếu, số cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ hủy bỏ.
Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết do Chủ nợ từ chối hoán đổi một phần hoặc toàn bộ	Trường hợp Chủ nợ từ chối hoán đổi một phần hoặc toàn bộ khoản nợ đã được ĐHĐCĐ phê duyệt thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT giám sát số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng thực tế hoán đổi, căn cứ vào thỏa thuận hoán đổi với các chủ nợ
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi thực hiện phát hành	Tại ngày 22/04/2024, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,15% vốn điều lệ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục theo quy định (nếu có) nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, trừ trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
Quyền lợi các bên sau khi đã hoán đổi các khoản nợ	<p>Chủ nợ: Các khoản nợ sau khi được hoán đổi sẽ được xóa bỏ và các Chủ nợ sẽ trở thành cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cổ đông kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.</p> <p>Công ty: giá trị các khoản nợ được hoán đổi sẽ được hạch toán để tăng Vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ tăng tương ứng với số cổ phiếu đã phát hành và khoản nợ được xóa. Công ty không còn nghĩa vụ trả bằng tiền đối với các khoản nợ đã được hoán đổi cho Chủ nợ</p>
Thời gian triển khai dự kiến	Trong năm 2024-2025, thời gian phát hành cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

3. Đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành riêng lẻ sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ cho HĐQT thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định và triển khai phương án phát hành chi tiết, phù hợp với nhu cầu của Công ty.
- Quyết định và thực hiện lựa chọn triển khai nhiều đợt phát hành (nếu có), đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
- Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để thực hiện phát hành cổ phiếu sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Việc thực hiện các công việc và thủ tục phát hành cổ phiếu theo các nội dung nêu trên có thể được thực hiện trong cùng thời gian/cùng lúc hoặc thực hiện trong các thời điểm khác nhau, tùy theo lựa chọn của Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, thay đổi trình tự và thời gian thực hiện phương án phát hành cổ phiếu nêu trên khi thấy cần thiết.
- Quyết định và thực hiện bổ sung, giải trình và điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc khi thấy cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có), đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và Công ty.
- Quyết định và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành, phê duyệt kết quả phát hành thực tế và báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCNN).
- Quyết định và thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết trong quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm: a) sửa đổi/bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; b) đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC); c) đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội; d) Thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ công ty để phù hợp với Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành và e) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành.
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty, phù hợp với phương thức phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty, phù hợp với phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm soát và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện tất cả hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐẶNG LÊ DŨNG

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH DỰ KIẾN CHỦ NỢ ĐƯỢC PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU TRONG ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ HOÁN ĐỔI NỢ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên sốngày.....của Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thương Mại 2)

STT	Tên chủ nợ	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tin liên lạc (Địa chỉ/điện thoại/địa chỉ website)	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 22/04/2024	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023 (căn cứ trên BCTC kiểm toán riêng 2023 của Công ty) (đồng)	Giá trị khoản nợ phải trả dự kiến được hoán đổi (đồng)	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối để hoán đổi nợ (cổ phiếu)
1	Phạm Văn Hùng Em	083082000744	779/5B Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	0	11.420.000.000	11.100.000.000	1.110.000
2	Hứa Đan Thanh	092185010758	501-5T3, KP1, Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam	0	2.900.000.000	2.900.000.000	290.000